

CTY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Số 230 Đại Lộ Bình Dương, P.Phú Hòa, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Mã số thuế: 3700805566

Mẫu số B01-DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

ĐVT: đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU KỲ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.921.006.813.696	5.801.336.031.475
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	73.889.611.131	35.067.650.895
1. Tiền	111		20.495.269.559	19.677.858.239
2. Các khoản tương đương tiền	112		53.394.341.572	15.389.792.656
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu	130		766.446.344.348	686.793.033.853
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02a	731.085.901.496	647.262.733.514
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	20.681.690.809	23.313.665.083
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	14.678.752.043	16.216.635.256
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		5.079.607.735.246	5.062.467.288.074
1. Hàng tồn kho	141	V.06	5.079.607.735.246	5.062.467.288.074
2. Dự phòng giảm giá tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.063.122.971	17.008.058.653
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07a	1.063.122.971	1.126.509.333
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	15.872.818.200
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153		-	8.731.120
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.881.361.956.342	1.846.379.802.163
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		953.978.451.794	909.324.384.668
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.02b	481.281.464.740	437.154.293.209
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	472.696.987.054	472.170.091.459
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		573.409.977.471	578.881.764.254
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	571.001.864.210	576.344.983.858

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU KỲ
- Nguyên giá	222		905.191.627.136	902.238.751.086
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(334.189.762.926)	(325.893.767.228)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	2.408.113.261	2.536.780.396
- Nguyên giá	228		5.881.587.380	5.881.587.380
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(3.473.474.119)	(3.344.806.984)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	168.717.533.061	169.645.456.821
- Nguyên giá	231		185.090.978.661	185.090.978.661
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(16.373.445.600)	(15.445.521.840)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		152.892.340.800	154.245.856.009
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.11	150.197.173.640	150.852.779.959
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	2.695.167.160	3.393.076.050
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		17.377.481.005	17.377.481.005
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	17.377.481.005	17.377.481.005
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		14.986.172.211	16.904.859.406
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07b	14.986.172.211	16.904.859.406
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		7.802.368.770.038	7.647.715.833.638
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		6.221.374.993.288	6.042.483.513.594
I. Nợ ngắn hạn	310		3.358.849.382.005	3.409.374.902.483
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14a	1.750.209.945.327	2.100.649.704.127
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	11.023.629.629	7.791.877.841
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16a	21.499.666.265	2.879.506.085
4. Phải trả người lao động	314	V.17	1.704.549.375	1.695.974.335
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18a	376.884.145.006	323.706.876.871
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	688.252.117.504	578.621.192.967
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	507.208.557.491	394.029.770.257
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	2.066.771.408	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU KỲ
II. Nợ dài hạn	330		2.862.525.611.283	2.633.108.611.111
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.14b	1.571.267.353.000	1.270.092.505.000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.22	28.885.258.283	8.232.106.111
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	248.000.000	284.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	1.262.125.000.000	1.354.500.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.580.993.776.750	1.605.232.320.044
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	1.580.993.776.750	1.605.232.320.044
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.370.973.230.000	1.370.973.230.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A		1.370.973.230.000	1.370.973.230.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411B		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.420.226.000	10.420.226.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		86.402.472.800	81.606.382.163
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		113.197.847.950	142.232.481.881
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A		6.940.943.279	126.210.982.953
- LNST chưa phân phối kỳ này	421B		106.256.904.671	16.021.498.928
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn KP đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		7.802.368.770.038	7.647.715.833.638

Ngày 20 Tháng 07 Năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

BÙI THỊ THÙY

TRỊNH THANH HÙNG



ĐỖ QUANG NGÔN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 2 năm 2017

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 2 năm 2017	Quý 2 năm 2016	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	295.430.820.756	106.791.755.378	436.518.046.923	199.164.719.0
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	6.637.500.859	10.684.227.031	31.556.567.949	13.949.213.7
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		288.793.319.897	96.107.528.347	404.961.478.974	185.215.505.2
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	127.005.710.237	51.289.167.242	189.349.968.173	91.136.688.3
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		161.787.609.660	44.818.361.105	215.611.510.801	94.078.816.8
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	588.655.380	525.901.776	744.419.906	1.191.039.7
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.5	36.590.416.704	28.422.585.852	60.536.676.166	47.921.486.3
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		21.739.315.242	25.164.777.902	36.590.886.482	41.405.870.4
8. Chi phí bán hàng	24	VI.6	11.945.103.234	4.688.359.245	16.930.682.947	8.998.033.4
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	5.849.028.257	5.499.030.679	12.491.311.660	11.936.259.8
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		107.991.716.845	6.734.287.105	126.397.259.934	26.414.077.0
11. Thu nhập khác	31	VI.8	1.770.777.283	747.883.273	2.371.750.705	1.242.410.5
12. Chi phí khác	32	VI.9	245.810.410	1	352.463.972	59.968.1
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		1.524.966.873	747.883.272	2.019.286.733	1.182.442.3
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		109.516.683.718	7.482.170.377	128.416.546.667	27.596.519.4
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.16	19.281.277.975	1.111.366.008	22.159.641.996	4.308.693.4
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		90.235.405.743	6.370.804.369	106.256.904.671	23.287.826.0
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý 2/2017 tăng 1.316% so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân:

Trong quý 2/2017 tổng doanh thu ghi nhận của Công ty tăng 199% so với cùng kỳ năm trước, tổng chi phí tăng 102%, thuế TNDN tăng 1.634% dẫn đến lợi nhuận sau thuế tăng so với quý 2/2016.

Người lập biểu


BÙI THỊ THÙY

Kế toán trưởng


TRỊNH THANH HÙNG

Ngày 20 Tháng 07 Năm 2017

Tổng giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2 năm 2017	Quý 2 năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		109.516.683.718	7.482.170.377
2. Điều chỉnh cho các khoản:				-
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	V.8,9,10	9.352.586.593	9.085.555.448
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(533.152.776)	(481.811.485)
- Chi phí lãi vay	06		21.739.315.242	25.164.777.902
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		140.075.432.777	41.250.692.242
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(109.587.913.598)	12.979.931.851
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		14.139.754.194	(178.347.101.507)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		23.421.816.285	171.229.053.011
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.982.073.557	(120.726.945)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(40.987.342.372)	(44.162.089.806)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.879.506.085)	(3.197.327.460)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.729.319.229)	(1.783.424.608)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		23.434.995.529	(2.150.993.222)
				-
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(5.666.169.192)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng kỹ thuật (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ, kinh doanh bất động sản, xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Duy tu, sửa chữa, khai thác thu phí giao thông; Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch, tư vấn, đấu giá, quảng cáo, quản lý bất động sản, kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	Becamex Hotel, 230 Đại Lộ Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Kinh doanh nhà hàng và các dịch vụ ăn uống, tổ chức sự kiện, các dịch vụ khách sạn, đại lý vé máy bay, tàu hỏa	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex	Becamex Tower, 230 Đại Lộ Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Kinh doanh hoạt động trung tâm thương mại, du lịch, vận tải hành khách, đại lý vé máy bay, tàu hỏa	100%	100%	100%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của Kỳ này so sánh được với số liệu của Kỳ trước.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 263 nhân viên đang làm việc (Số đầu kỳ là 266 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ bao gồm các khoản đầu tư vào Công ty con.

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào Công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các Kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào Công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào Công ty con được trích lập khi Công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại Công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại Công ty con. Nếu Công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Đối với hàng hóa bất động sản và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí duy tu sửa chữa Quốc lộ 13 và thiết bị thu phí tự động. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí duy tu, sửa chữa Quốc lộ 13

Các khoản duy tu, sửa chữa Quốc lộ 13 được phân bổ vào chi phí theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

Thiết bị thu phí tự động

Các thiết bị thu phí tự động được phân bổ vào chi phí với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Loại tài sản cố định

Thiết bị, dụng cụ quản lý

Số năm

05 – 08

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có phần mềm máy tính.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư là 50 năm.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ cho chi phí phát hành trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi Hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một Hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các Kỳ trước, đến Kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của Kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền mặt	806.043.260	1.029.621.790
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.689.226.299	18.648.236.449
Các khoản tương đương tiền ^(*)	53.394.341.572	15.389.792.656
Cộng	<u>73.889.611.131</u>	<u>35.067.650.895</u>

^(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng.**2. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng****2a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Phải thu các bên liên quan	104.215.211.898	85.086.124.296
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV	96.828.864.868	78.877.195.394
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	432.500.000	412.500.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex	2.110.508.169	1.353.000.000
Công ty TNHH Becamex Tokyu	4.445.378.901	4.443.428.902
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	397.959.960	-
Phải thu các khách hàng khác	626.870.689.598	562.176.609.218
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại và Xây dựng Địa ốc Kim Oanh	4.201.983.000	8.554.086.991
Các khách hàng khác	622.668.706.598	553.622.522.227
Cộng	<u>731.085.901.496</u>	<u>647.262.733.514</u>

2b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Phải thu các bên liên quan	169.185.647.000	181.507.047.000
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV	6.329.264.000	8.650.664.000
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị	162.856.383.000	172.856.383.000
Phải thu các khách hàng khác	312.095.817.740	255.647.246.209
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại và Xây dựng Địa ốc Kim Oanh	1.976.128.749	3.710.443.762
Các khách hàng khác	310.119.688.991	251.936.802.447
Cộng	<u>481.281.464.740</u>	<u>437.154.293.209</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Trả trước cho các bên liên quan	19.736.532.588	19.619.115.288
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	24.752.463	24.752.463
Công ty Cổ phần Bê tông Becamex	117.417.300	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore	19.594.362.825	19.594.362.825
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	<i>945.158.221</i>	<i>3.694.549.795</i>
Công ty Cổ phần Kiến trúc đô thị Ngôi sao Việt	214.500.000	214.500.000
Các nhà cung cấp khác	730.658.221	3.480.049.795
Cộng	<u>20.681.690.809</u>	<u>23.313.665.083</u>

4. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	11.254.418.246	-	11.254.418.246	-
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp -TNHH MTV - Phải thu tiền lợi nhuận được chia từ Dự án Becamex City Center	11.254.418.246	-	11.254.418.246	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	3.424.333.797	-	4.962.217.010	-
Tiền ứng để thi công hệ thống cấp nước	621.950.000	-	621.950.000	-
Chi hộ cho Ban quản lý tòa nhà Becamex Tower	75.190.351	-	242.822.314	-
Phải thu tiền chi hộ làm sổ cho khách hàng mua căn hộ Sunrise	315.720.800	-	315.720.800	-
Phải thu tiền chi hộ làm sổ cho khách hàng mua dự án The Green River	425.969.800	-	582.248.800	-
Phải thu tiền chi hộ làm sổ cho khách hàng mua dự án Phố TM IJC2	414.625.000	-	50.240.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyên nhượng bất động sản	295.115.932	-	88.584.410	-
Tạm ứng công tác	1.015.858.991	-	1.096.584.369	-
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	106.000.000	-	106.000.000	-
Các khoản chi cho cán bộ nhân viên chưa có nguồn	-	-	1.787.124.129	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	153.902.923	-	70.942.188	-
Cộng	<u>14.678.752.043</u>	-	<u>16.216.635.256</u>	-

4b. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	472.430.287.054	-	471.908.391.459	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV – Tiền đầu tư góp vốn xây dựng Dự án Becamex City Center (*)	472.430.287.054	-	471.908.391.459	-
Phải thu các tổ chức khác	266.700.000	-	261.700.000	-
Ký quỹ ký cược dài hạn	266.700.000	-	261.700.000	-
Cộng	472.696.987.054	-	472.170.091.459	-

(*) Đây là dự án hợp tác kinh doanh với Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV để xây dựng Dự án Becamex City Center. Với diện tích hơn 61.000m², có tổng số vốn đầu tư lên tới 2.500 tỷ VND, dự án là một khu phức hợp các công trình dịch vụ như văn phòng làm việc, căn hộ cao cấp, trung tâm thương mại, khách sạn 5 sao, khu vui chơi nghỉ dưỡng, bãi đỗ xe, công viên,... và nhiều tiện ích khác. Một số công trình của dự án đã hoàn thành và đưa vào khai thác, một số công trình khác vẫn đang trong quá trình xây dựng để hoàn thiện.

5. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu kỳ	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các bên liên quan		711.311.000	711.311.000		-	-
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV						
Phải thu tiền bán bất động sản	Dưới 06 tháng	711.311.000	711.311.000	Dưới 06 tháng	-	-
Các tổ chức và cá nhân khác		427.944.234.577	427.944.234.577		421.986.329.017	421.986.329.017
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại và Xây dựng Địa ốc Kim Oanh						
Phải thu tiền bán bất động sản	Từ 01 đến 02 năm	4.201.983.000	4.201.983.000	Từ 01 đến 02 năm	8.554.086.991	8.554.086.991
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác						
Phải thu tiền bán bất động sản	Dưới 06 tháng	60.796.421.421	60.796.421.421	Dưới 06 tháng	59.385.156.464	59.385.156.464
	Từ 06 tháng đến 01 năm	59.023.782.982	59.023.782.982	Từ 06 tháng đến 01 năm	53.701.984.294	53.701.984.294
	Từ 01 đến 02 năm	123.879.882.523	123.879.882.523	Từ 01 đến 02 năm	129.406.016.312	129.406.016.312
	Từ 02 đến 03 năm	72.332.043.348	72.332.043.348	Từ 02 đến 03 năm	68.330.310.278	68.330.310.278
	Trên 03 năm	107.710.121.303	107.710.121.303	Trên 03 năm	102.608.774.678	102.608.774.678
Cộng		428.655.545.577	428.655.545.577		421.986.329.017	421.986.329.017

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	1.941.710.694	-	1.982.328.041	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang ^(*)	5.059.565.304.606	-	5.041.101.650.375	-
Hàng hóa bất động sản	18.100.719.946	-	19.383.309.658	-
Cộng	5.079.607.735.246	-	5.062.467.288.074	-

(*) Chủ yếu là chi phí dở dang của các công trình xây dựng nhà phố, khu thương mại, nhà biệt thự, nhà chung cư,... Trong đó, công trình Khu đô thị IJC có số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 2.314.519.250.661 VND (số dư đầu năm là 2.314.213.011.946 VND). Công trình này đang trong quá trình xây dựng, phần lớn phản ánh chi phí chuyển quyền sử dụng đất. Ngoài ra còn phát sinh một số chi phí khác như phí khảo sát địa chất địa hình, xây dựng nhà thô công trình, thi công hệ thống đường giao thông, thoát nước, chi phí sử dụng vốn,...

Một số chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang có giá trị ghi sổ là 2.322.417.512.849 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương, Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Bình Dương, Ngân hàng TMCP Bản Việt – Chi nhánh Bình Dương, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Bình Dương và để đảm bảo cho việc phát hành trái phiếu của Công ty được mua bởi Ngân hàng TMCP Tiên Phong.

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Chi phí hoa hồng, quảng cáo	1.033.242.971	1.081.689.333
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	29.880.000	44.820.000
Cộng	1.063.122.971	1.126.509.333

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công cụ, dụng cụ	4.493.049.165	5.269.679.849
Chi phí duy tu, sửa chữa Quốc lộ 13	7.793.993.496	8.798.024.915
Thiết bị thu phí tự động	2.699.129.550	2.837.154.642
Cộng	14.986.172.211	16.904.859.406

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	862.526.755.599	1.605.459.924	5.320.336.408	32.786.199.155	902.238.751.086
Mua trong kỳ				675.000.000	675.000.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	2.277.876.050	2.277.876.050
Số cuối kỳ	862.526.755.599	1.605.459.924	5.320.336.408	35.739.075.205	905.191.627.136

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.613.226.392	1.428.459.924	3.050.318.339	14.168.516.931	21.260.521.586
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu kỳ	299.040.374.650	1.487.043.250	4.342.743.597	21.023.605.731	325.893.767.228
Khấu hao trong kỳ	7.605.830.949	3.624.999	39.595.863	646.943.887	8.295.995.698
Số cuối kỳ	306.646.205.599	1.490.668.249	4.382.339.460	21.670.549.618	334.189.762.926
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	563.486.380.949	118.416.674	977.592.811	11.762.593.424	576.344.983.858
Số cuối kỳ	555.880.550.000	114.791.675	937.996.948	14.068.525.587	571.001.864.210
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 804.174.159.697 VND và 511.965.164.053 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho việc phát hành trái phiếu của Công ty được mua bởi Ngân hàng TMCP Tiên Phong và Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (xem thuyết minh số V.20).

9. Tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu kỳ	5.881.587.380	3.344.806.984	2.536.780.396
Khấu hao trong kỳ		128.667.135	
Số cuối kỳ	5.881.587.380	3.473.474.119	2.408.113.261

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

1.850.394.021

10. Bất động sản đầu tư**Bất động sản đầu tư cho thuê**

Chỉ phí mua 4 tầng tại Becamex Tower để đầu tư Trung tâm thương mại Becamex.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu kỳ	185.090.978.661	15.445.521.840	169.645.456.821
Khấu hao trong kỳ		927.923.760	
Số cuối kỳ	185.090.978.661	16.373.445.600	168.717.533.061

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chung cư IJC Aroma	109.994.199.196	109.994.199.196	110.649.805.515	110.649.805.515
Dự án F13 khu phố Phú An	38.743.532.081	38.743.532.081	38.743.532.081	38.743.532.081
Dự án Trung tâm thương mại The Green River	1.459.442.363	1.459.442.363	1.459.442.363	1.459.442.363
Cộng	150.197.173.640	150.197.173.640	150.852.779.959	150.852.779.959

Các dự án trên tạm dừng vì Công ty chờ thời điểm thích hợp để triển khai tiếp.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu kỳ	Phát sinh tăng	Kết chuyển	Số cuối kỳ
		trong kỳ	vào TSCĐ	
Xây dựng cơ bản dở dang	3.393.076.050	1.579.967.160	(2.277.876.050)	2.695.167.160
- Công trình hệ thống chiếu sáng Quốc lộ 13	2.277.876.050	222.454.000	(2.277.876.050)	222.454.000
- Công trình hệ thống thu phí Suối Giữa - Vĩnh Phú	1.115.200.000	-	-	1.115.200.000
- Công trình cải tạo Quốc lộ 13	-	1.357.513.160	-	1.357.513.160
Cộng	3.393.076.050	1.579.967.160	(2.277.876.050)	2.695.167.160

13. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư vào Công ty con. Thông tin về các khoản đầu tư vào Công ty con như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex ⁽ⁱ⁾	11.377.481.005	-	11.377.481.005	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex ⁽ⁱⁱ⁾	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
Cộng	17.377.481.005	-	17.377.481.005	-

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3701906616, thay đổi lần 07 ngày 05 tháng 4 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex (trước đây là Công ty TNHH MTV IJC) 12.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702280392, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex là 6.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với Kỳ trước.

Giao dịch với các Công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các Công ty con như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex		
Cho thuê mặt bằng, trang thiết bị	1.125.000.000	1.125.000.000
Mua hàng hoá, dịch vụ	12.407.020	84.890.440
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex		
Cho thuê mặt bằng, trang thiết bị	1.230.000.000	810.000.000
Mua hàng hoá, dịch vụ	875.824.908	451.570.534
Phí quản lý tại văn phòng	124.966.100	499.864.400

14. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn

14a. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Phải trả các bên liên quan	1.735.947.978.533	2.095.081.239.022
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV	1.586.667.093.836	1.586.666.533.316
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex	932.860.491	-
Công ty Cổ phần Bê tông Becamex	35.692.733.673	43.904.071.858
Công ty liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore	54.379.634.766	67.254.481.063
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	15.997.521.588	46.219.805.678
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	1.028.134.179	8.611.499.107
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	41.250.000.000	342.424.848.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	14.261.966.794	5.568.465.105
Công ty TNHH Dịch vụ và Xây Dựng Tấn Hòa Phát	4.832.454.836	2.068.431.200
Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật tư xây dựng 2	3.334.689.600	224.716.800
Công ty TNHH Tư vấn và Kỹ thuật Bách Phương	246.316.167	246.316.167
Các nhà cung cấp khác	5.848.506.191	3.029.000.938
Cộng	1.750.209.945.327	2.100.649.704.127

14b. Phải trả người bán dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Phải trả các bên liên quan	1.571.267.353.000	1.270.092.505.000
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV	1.270.092.505.000	1.270.092.505.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	301.174.848.000	-
Cộng	1.571.267.353.000	1.270.092.505.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Đàm Văn Khanh	1.187.577.000	1.187.577.000
Các khách hàng khác	9.836.052.629	6.604.300.841
Cộng	11.023.629.629	7.791.877.841

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	6.021.368.658	(4.050.883.176)	1.970.485.482
Thuế thu nhập doanh nghiệp ^(*)	2.879.506.085	19.487.809.497	(2.879.506.085)	19.487.809.497
Thuế thu nhập cá nhân ^(**)	(8.731.120)	92.603.772	(42.501.366)	41.371.286
Các loại thuế khác	-	468.408.145	(468.408.145)	-
Cộng	2.870.774.955	26.070.190.082	(7.441.298.772)	21.499.666.265

(*) Khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm bao gồm:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp 19.281.277.975 VND
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận doanh thu trong năm 206.531.522 VND

(**) Khoản thuế thu nhập cá nhân nộp thừa được trình bày tại khoản mục thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Không chịu thuế
- Các hoạt động khác: 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%. Theo Hợp đồng B.O.T đã ký giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương và Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV) và Công văn số 8900/CT-KTr1 ngày 07 tháng 11 năm 2008 của Cục thuế tỉnh Bình Dương, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động thu phí tuyến Quốc lộ 13 – tỉnh Bình Dương trong 04 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 09 năm tiếp theo. Như vậy:

- Đối với Dự án I từ Km1+248 đến Km28+178 dài 27,197 km từ gần cầu Vĩnh Bình huyện Thuận An đến Ngã ba Đài Hoa Sen - Khu công nghiệp Tân Định, Bến Cát: có thu nhập chịu thuế từ năm 2002. Hiện nay dự án này đã hết thời hạn được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Đối với Dự án II từ Km28+000 đến Km65+355 dài 37,584 km từ Đài vệ tinh Tân Định, Bến Cát đến Cầu Tham Rốt giáp ranh tỉnh Bình Phước: Công ty có thu nhập chịu thuế từ năm 2008

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 là năm thứ 06 Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	109.516.683.718	7.482.170.377
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	991.311.111	705.968.134
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập tính thuế	110.507.994.829	8.188.138.511
Trong đó		
- Hoạt động kinh doanh thu phí	44.285.063.857	39.784.231.278
- Hoạt động kinh doanh khác	66.222.930.972	(31.596.092.767)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	22.101.598.966	1.637.627.702
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm theo Hợp đồng B.O.T	(2.820.320.991)	(526.261.694)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	19.281.277.975	1.111.366.008

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Công ty phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 01% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 06 năm 2017 còn phải trả.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn/dài hạn

18a. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Phải trả các bên liên quan	328.264.605.204	285.768.747.900
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV	117.411.864.503	103.667.387.541
- Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng	13.273.552.000	13.273.552.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<i>đất khu biệt thự Sunflower</i>		
- <i>Lãi trả chậm cổ tức</i>	104.138.312.503	90.393.835.541
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore	210.852.740.701	182.101.360.359
- <i>Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất dự án IJC Vĩnh Tân</i>	162.650.616.961	162.650.616.961
- <i>Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất các lô đất áp 1, áp 5 Vĩnh Tân</i>	18.118.774.560	19.450.743.398
- <i>Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất các lô đất áp 4 Suối Tre</i>	30.083.349.180	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	48.619.539.802	37.938.128.971
Trích trước giá vốn xây dựng chung cư IJC Aroma	1.209.909.233	1.209.909.233
Trích trước giá vốn xây dựng shop Aroma	162.621.146	162.621.146
Trích trước giá vốn khu biệt thự Sunflower	76.356.564	76.356.564
Trích trước giá vốn đầu tư cơ sở hạ tầng khu tái định cư Hòa Lợi	2.504.764.091	2.504.764.091
Chi phí lãi vay	31.275.083.985	19.898.516.068
Chi phí tiếp thị, môi giới	6.352.064.407	2.132.310.634
Trích trước giá vốn xây dựng nhà	7.038.740.376	11.953.651.235
Cộng	376.884.145.006	323.706.876.871

19. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**19a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Phải trả các bên liên quan	621.584.258.736	534.620.199.278
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV	615.974.233.451	529.401.953.051
- <i>Phải trả cổ tức</i>	569.410.424.702	482.984.022.302
- <i>Phải trả tiền thuê hộ thuê văn phòng Becamex Tower</i>	2.648.666.916	2.648.666.916
- <i>Phải trả tiền thuê hộ căn hộ Sunrise</i>	42.650.087.673	42.504.209.673
- <i>Phải trả tiền thuê hộ căn hộ New Horizon</i>	1.265.054.160	1.265.054.160
Công ty Cổ phần Bê tông Becamex - tiền bảo hành công trình	5.610.025.285	5.218.246.227
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	66.667.858.768	44.000.993.689
Bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn	1.051.498.160	876.991.287
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	26.891.528.887	28.403.378.098
Tiền bảo hành còn phải trả nhà cung cấp	2.646.554.327	1.925.951.630
Cổ tức phải trả	23.806.551.700	584.345.700
Phí bảo trì chung cư IJC Aroma	8.035.863.531	8.035.863.531
Phí bảo trì chung cư New Horizon	382.951.564	543.414.656
Phải trả doanh thu cho gian hàng tại Trung tâm thương mại Becamex	160.115.907	160.115.907
Thù lao Hội đồng quản trị	-	600.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Vốn điều lệ phải trả cho cổ đông	650.130.000	804.500.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.042.664.692	2.066.432.880
Cộng	<u>688.252.117.504</u>	<u>578.621.192.967</u>

19b. Phải trả dài hạn khác

Khoản tiền ký quỹ của khách hàng thuê gian hàng tại Trung tâm thương mại Becamex.

19c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	322.458.557.491	257.279.770.257
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱ⁾	293.560.256.188	239.392.875.664
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱ⁾	697.443.549	1.354.243.811
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai ⁽ⁱⁱⁱ⁾	28.200.857.754	16.532.650.782
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	184.750.000.000	136.750.000.000
Cộng	<u>507.208.557.491</u>	<u>394.029.770.257</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; diện tích 38.050 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp số 01/2014/1728454/HĐBĐ ngày 16 tháng 9 năm 2014.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; diện tích 11.552 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp số 167TC15 ngày 08 tháng 12 năm 2015.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai để bổ sung vốn lưu động, chi phí quản lý BOT đang thu phí, chi phí hoạt động thi công xây lắp trong trường hợp các Hợp đồng thi công xây lắp chủ đầu tư thanh toán theo tiến độ hoàn thành từng hạng mục công trình. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; diện tích 8.576,2 m² tại phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp số 16.108.01 ngày 20 tháng 09 năm 2016.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu kỳ	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	257.279.770.257	147.412.039.956	-	(82.233.252.722)	322.458.557.491
Vay dài hạn đến hạn trả	136.750.000.000		92.375.000.000	(44.375.000.000)	184.750.000.000
Cộng	394.029.770.257	147.412.039.956	92.375.000.000	(126.608.252.722)	507.208.557.491

20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	262.125.000.000	354.500.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱ⁾	3.000.000.000	9.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱ⁾	45.000.000.000	60.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱⁱ⁾	18.625.000.000	37.250.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ^(iv)	60.000.000.000	75.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Bình Dương ^(v)	135.500.000.000	173.250.000.000
Trái phiếu thường dài hạn ^(vi)	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Cộng	1.262.125.000.000	1.354.500.000.000

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền cải tạo (rải nhựa, nâng cấp, sửa chữa,...) mua sắm các trang thiết bị, thanh toán chi phí bố trí lại trạm thu phí nút giao thông Phú Long, thị xã Thuận An và các chi phí khác trên tuyến Quốc lộ 13. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với diện tích 11.552m² theo Hợp đồng thế chấp số 155TT14 ngày 25 tháng 12 năm 2014.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bản Việt – Chi nhánh Bình Dương để tài trợ lại một phần vốn đã đầu tư vào dự án Khu đô thị IJC. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với diện tích 23.995m² theo Hợp đồng thế chấp số 0076/01414/01A.HĐTCQSDĐ ngày 04 tháng 9 năm 2014.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Bình Dương để tài trợ lại một phần vốn đã đầu tư vào dự án Prince Town. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với diện tích 24.543 m² theo Hợp đồng thế chấp số 1188.14/HĐTC ngày 08 tháng 9 năm 2014; và quyền sử dụng đất tại xã Thới Hòa, Bến Cát, tỉnh Bình Dương với diện tích 22.388,4 m² theo Hợp đồng thế chấp số 1287.14/HĐTC ngày 31 tháng 12 năm 2014.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để tài trợ lại một phần vốn đã đầu tư vào dự án IJC Aroma. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương thuộc quyền sở

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

hữu của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV với diện tích 40.947 m² theo Hợp đồng thế chấp số 01/2015/1728454/HĐDB ngày 05 tháng 6 năm 2015.

- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Á – Chi nhánh Bình Dương để thực hiện dự án khu dân cư Hòa Lợi-IJC và bù đắp một phần vốn đã đầu tư vào dự án Khu đô thị IJC. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV với diện tích 28.221 m² theo Hợp đồng thế chấp số 210-60/15/VAB/HĐTCBLBDS ngày 01 tháng 6 năm 2015, diện tích 40.648 m² theo Hợp đồng thế chấp số 210-131/15/VAB/HĐTCBLBDS ngày 24 tháng 11 năm 2015.

- (vi) Trái phiếu thường dài hạn bao gồm:

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị
Phát hành theo mệnh giá			1.000.000.000.000			1.000.000.000.000
Phát hành cho Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát ^(a)	10,125 %/năm	05 năm	600.000.000.000	10,125 %/năm	05 năm	600.000.000.000
Phát hành cho Ngân hàng TMCP Đông Nam Á ^(b)	10,125 %/năm	05 năm	400.000.000.000	10,125 %/năm	05 năm	400.000.000.000
Cộng			1.000.000.000.000			1.000.000.000.000

- (a) Trái phiếu phát hành để huy động vốn triển khai dự án đầu tư Sunflower mở rộng và tăng quy mô vốn kinh doanh.

- Ngày phát hành : ngày 25 tháng 9 năm 2014.
- Ngày đáo hạn : ngày 25 tháng 9 năm 2019.
- Kỳ thanh toán lãi : 6 tháng/lần.
- Lãi suất : kỳ tính lãi đầu tiên và kỳ thứ hai: 12,2%/năm; các kỳ tiếp theo: lãi suất bình quân của lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của 4 ngân hàng sau: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cộng lãi biên 4%/năm.

- Hình thức đảm bảo : khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền quản lý và thu phí giao thông Dự án đầu tư BOT: “Nâng cấp và mở rộng QL13-tỉnh Bình Dương-từ Km1+248 đến Km 28+178-dải 27,297 Km”; quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 45.182 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- (b) Trái phiếu phát hành để huy động vốn triển khai dự án đầu tư Prince Town mở rộng.

- Ngày phát hành : ngày 31 tháng 10 năm 2014.
- Ngày đáo hạn : ngày 31 tháng 10 năm 2019.
- Kỳ thanh toán lãi : 6 tháng/lần.
- Lãi suất : kỳ tính lãi đầu tiên và kỳ thứ hai: 12,2%/năm; các kỳ tiếp theo: lãi suất bình quân của lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của 4 ngân hàng sau: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cộng lãi biên 4%/năm.

- Hình thức đảm bảo : khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền quản lý và thu phí giao thông Dự án đầu tư BOT: “Nâng cấp và mở rộng QL13-tỉnh Bình Dương-từ Km28+000 đến Km 65+355 dài 37.584 m”; quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 9.714 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Trên 05 năm</u>
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn ngân hàng	446.875.000.000	184.750.000.000	262.125.000.000	-
Trái phiếu thường	1.000.000.000.000	-	1.000.000.000.000	-
Cộng	1.446.875.000.000	184.750.000.000	1.262.125.000.000	-
Số đầu kỳ				
Vay dài hạn ngân hàng	491.250.000.000	136.750.000.000	354.500.000.000	-
Trái phiếu thường	1.000.000.000.000	-	1.000.000.000.000	-
Cộng	1.491.250.000.000	136.750.000.000	1.354.500.000.000	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay dài hạn ngân hàng	354.500.000.000	-	(92.375.000.000)	262.125.000.000
Trái phiếu thường	1.000.000.000.000	-	-	1.000.000.000.000
Cộng	1.354.500.000.000	-	(92.375.000.000)	1.262.125.000.000

20c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu kỳ	-	-
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	4.796.090.637	3.438.433.335
Chi quỹ trong kỳ	(2.729.319.229)	(1.783.424.608)
Số cuối kỳ	2.066.771.408	1.655.008.727

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**22. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Khu phố thương mại IJC2 - Mỹ Phước 3	13.746.071.955	5.597.810.917
Dự án Biệt thự Sunflower	3.911.027.802	-
Dự án ấp 4 Suối Tre	8.593.863.332	-
Dự án Khu đô thị IJC	2.634.295.194	2.634.295.194
Cộng	<u>28.885.258.283</u>	<u>8.232.106.111</u>

23. Vốn chủ sở hữu**23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu Kỳ trước	2.741.945.250.000	10.420.226.000	81.606.382.163	136.341.981.998	2.970.313.840.161
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	6.370.804.369	6.370.804.369
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	(3.438.433.335)	(3.438.433.335)
Chia cổ tức	-	-	-	(109.677.810.000)	(109.677.810.000)
Số dư cuối kỳ trước	<u>2.741.945.250.000</u>	<u>10.420.226.000</u>	<u>81.606.382.163</u>	<u>29.596.543.032</u>	<u>2.863.568.401.195</u>
Số dư đầu Kỳ này	1.370.973.230.000	10.420.226.000	81.606.382.163	142.232.481.881	1.605.232.320.044
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	90.235.405.743	90.235.405.743
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	4.796.090.637	(9.592.181.274)	(4.796.090.637)
Chia cổ tức	-	-	-	(109.677.858.400)	(109.677.858.400)
Số dư cuối kỳ này	<u>1.370.973.230.000</u>	<u>10.420.226.000</u>	<u>86.402.472.800</u>	<u>113.197.847.950</u>	<u>1.580.993.776.750</u>

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV	1.080.330.030.000	1.080.330.030.000
Các cổ đông khác	290.643.200.000	290.643.200.000
Cộng	<u>1.370.973.230.000</u>	<u>1.370.973.230.000</u>

23c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	137.097.323	137.097.323
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	137.097.323	137.097.323
- Cổ phiếu phổ thông	137.097.323	137.097.323
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	137.097.323	137.097.323
- Cổ phiếu phổ thông	137.097.323	137.097.323
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu bán vé cầu đường	63.701.104.987	57.164.626.105
Doanh thu kinh doanh bất động sản	176.139.917.363	16.355.172.476
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư ⁽ⁱ⁾	1.230.000.000	846.035.933
Doanh thu Hợp đồng xây dựng	52.384.684.728	31.240.920.864
Doanh thu dịch vụ khác	1.975.113.678	1.185.000.000
Cộng	<u>295.430.820.756</u>	<u>106.791.755.378</u>

⁽ⁱ⁾ Thu nhập và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư cho thuê như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Thu nhập từ việc cho thuê bất động sản đầu tư	1.230.000.000	846.035.933
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	1.325.896.765	1.233.104.573
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê		
Thu nhập kinh doanh bất động sản đầu tư	<u>(95.896.765)</u>	<u>(387.068.640)</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.13, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là Công ty con như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV		
Thị công xây dựng nhà ở xã hội	12.024.812.100	-
Thị công thám nhự	1.590.141.967	31.240.920.864
Công ty TNHH Becamex Tokyu		
Thị công hạ tầng	34.563.449.925	-

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Hàng bán bị trả lại	6.637.500.859	10.649.719.847
Giảm giá hàng bán	-	34.507.184
Cộng	<u>6.637.500.859</u>	<u>10.684.227.031</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Giá vốn vé cầu đường	11.359.838.778	10.609.752.710
Giá vốn kinh doanh bất động sản ⁽ⁱ⁾	65.344.446.179	9.099.388.041
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	1.325.896.765	1.233.104.573
Giá vốn hoạt động xây dựng	47.683.151.021	28.973.024.392
Giá vốn dịch vụ khác	1.292.377.494	1.373.897.526
Cộng	<u>127.005.710.237</u>	<u>51.289.167.242</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Trong đó giá vốn trích trước của hàng hóa, thành phẩm bất động sản đã bán như sau:

Hạng mục	Kỳ này		Kỳ trước	
	Giá trị trích trước	Thời gian dự kiến phát sinh	Giá trị trích trước	Thời gian dự kiến phát sinh
Dự án ấp 1, ấp 4 Vĩnh Tân	30.083.349.180	Trong năm 2017	-	-

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	533.152.776	476.137.576
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	55.502.604	49.764.200
Cộng	588.655.380	525.901.776

5. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	21.739.315.242	25.164.777.902
Tiền lãi cố tức trả chậm	13.744.476.962	3.257.807.950
Chiết khấu thanh toán	1.106.624.500	-
Cộng	36.590.416.704	28.422.585.852

6. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí cho nhân viên	3.082.207.778	3.322.617.975
Chi phí vật liệu, bao bì	681.444.369	647.924.125
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	11.289.657	24.574.190
Chi phí khấu hao tài sản cố định	84.225.326	112.605.601
Chi phí dịch vụ mua ngoài	451.914.430	535.839.959
Các chi phí khác	7.634.021.674	44.797.395
Cộng	11.945.103.234	4.688.359.245

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	3.653.057.176	3.320.066.455
Chi phí vật liệu quản lý	104.923.094	76.876.803
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	40.563.221	93.338.485
Chi phí khấu hao tài sản cố định	154.073.805	185.453.383
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.035.372.492	830.592.301
Các chi phí khác	861.038.469	992.703.252
Cộng	5.849.028.257	5.499.030.679

8. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Thu từ phạt vi phạm Hợp đồng	915.060.920	689.136.806
Tiền từ bồi thường	258.607.272	58.492.725
Thu nhập khác	597.109.091	253.742
Cộng	1.770.777.283	747.883.273

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí khác	245.810.410	1
Cộng	<u>245.810.410</u>	<u>1</u>

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.507.326.906	2.547.917.400
Chi phí nhân công	7.398.267.091	7.290.132.082
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.352.586.593	9.085.555.448
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.973.049.704	2.170.131.034
Chi phí khác	8.632.388.659	1.746.332.981
Cộng	<u>32.863.618.953</u>	<u>22.840.068.945</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các Hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Từ 01 năm trở xuống	9.420.000.000	7.065.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	10.240.000.000	14.950.000.000
Trên 05 năm	-	-
Cộng	<u>19.660.000.000</u>	<u>22.015.000.000</u>

Tổng số tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là doanh thu trong kỳ là 2.355.000.000 VND (Kỳ trước là 1.935.000.000 VND).

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong kỳ là 438.500.788 VND (Kỳ trước là 463.516.625 VND).

2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	Công ty con
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex	Công ty con
Công ty Cổ phần Bê tông Becamex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore	Công ty liên kết với Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông Việt Nam	Công ty liên kết với Công ty mẹ
Công ty TNHH Becamex Tokyu	Công ty liên kết với Công ty mẹ

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các Công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.13 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là Công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV		
Ứng tiền đầu tư xây dựng Dự án Becamex City Center	521.895.595	365.329.383
Cổ tức phải trả	86.426.402.400	86.426.402.400
Lãi cổ tức phải trả	13.744.476.962	3.257.807.940
Tiền điện sử dụng tại công trình Prince Town		37.564.211
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ đô thị Bình Dương xây dựng dự án Nhà phố Prince Town theo hợp đồng 45/DTMBĐ	-	56.217.895.491
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ đô thị Bình Dương xây dựng dự án Khu đô thị Đông Đô Đại Phố theo hợp đồng 226/DTMBĐ	-	169.939.681.973
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại	-	114.999.998.955

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ đô thị Bình Dương xây dựng dự án Chung cư IJC Aroma theo hợp đồng 163/DTMBĐ		
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ đô thị Bình Dương xây dựng dự án Chung cư IJC Aroma theo hợp đồng 232/DTMBĐ	-	65.999.999.400
Công ty cổ phần xây dựng giao thông Bình Dương		
Thi công xây dựng nhà	-	13.379.280.682
Công ty cổ phần bê tông Becamex		
Mua vật liệu xây dựng	-	43.184.502
Thi công xây dựng nhà	15.319.042.372	31.833.092.703
Thu nhượng tiền điện	7.193.772	
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore		
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất	7.837.164.060	

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Cam kết bảo lãnh

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV dùng quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương, Ngân hàng TMCP Việt Á – Chi nhánh Bình Dương và để đảm bảo cho việc phát hành trái phiếu của Công ty được mua bởi Ngân hàng TMCP Tiên Phong, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 772.500.000.000 VND (xem thuyết minh số V.19).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.3, V.4, V.5, V.14, V.18 và V.19.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực bán vé cầu đường: bán vé thu phí Quốc lộ 13.
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản: đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản đầu tư: dịch vụ cho thuê mặt bằng trong tòa nhà Becamex Tower.
- Lĩnh vực xây dựng: thi công nhà ở xã hội, thi công công trình công cộng.
- Lĩnh vực Hợp đồng hợp tác kinh doanh: hợp tác thực hiện dự án Becamex City Center với Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – TNHH MTV.
- Lĩnh vực khác: cho thuê trang thiết bị, nội thất.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, chủ yếu tại địa bàn tỉnh Bình Dương.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Bình Dương, ngày 20 tháng 07 năm 2017


Bùi Thị Thùy
Người lập biểu


Trịnh Thanh Hùng
Kế toán trưởng


Đỗ Quang Ngôn
Tổng Giám đốc

Phụ lục 1: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND


Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

Kỳ này	Lĩnh vực bán vé cầu đường	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản đầu tư	Lĩnh vực xây dựng	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	63.701.104.987	169.502.416.504	1.230.000.000	52.384.684.728	1.975.113.678	-	288.793.319.897
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	63.701.104.987	169.502.416.504	1.230.000.000	52.384.684.728	1.975.113.678	-	288.793.319.897
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	43.723.832.490	63.830.679.314	(461.312.351)	215.781.208	94.080.804	-	107.403.061.465
Chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	-	-	107.403.061.465
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	588.655.380
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	-
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	1.770.777.283
Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	(245.810.410)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	-	(19.281.277.975)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.779.579.360	1.776.186.682	12.888.959	548.930.105	20.696.877	-	5.138.281.982
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	9.144.770.880	173.327.566	1.232.684.830	40.177.244	1.285.752.040	-	11.876.712.560
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí tra trước dài hạn	-	-	-	-	-	-	-
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí tra trước dài hạn)	-	-	-	-	-	-	-

Phụ lục 1: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Lĩnh vực bán vé cầu đường	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản đầu tư	Lĩnh vực xây dựng	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ trước							
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	57.164.626.105	5.670.945.445	846.035.933	31.240.920.864	1.185.000.000		96.107.528.347
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận							
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	57.164.626.105	5.670.945.445	846.035.933	31.240.920.864	1.185.000.000		96.107.528.347
Kết quả kinh doanh theo bộ phận							
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận		(26.213.985.116)	(420.741.701)	(188.897.526)	0		6.734.287.105
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh							6.734.287.105
Doanh thu hoạt động tài chính							525.901.776
Chi phí tài chính							(525.901.776)
Thu nhập khác							747.883.273
Chi phí khác							(1)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							(1.111.366.008)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại							
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp							6.370.804.369
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	2.433.442.301	1.014.908	151.412	-	85.173.690		2.519.782.311
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	8.698.786.557	112.426.459	1.235.896.085	-	1.401.760.070		11.448.869.172

Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)


BÙI THỊ THUY
 Người lập biểu


TRỊNH THANH HÙNG
 Kế toán trưởng



ĐỖ QUANG NGÔN
 Tổng Giám đốc

Phụ lục 1: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực bán vé cầu đường		Lĩnh vực kinh doanh bất động sản đầu tư		Lĩnh vực xây dựng		Các lĩnh vực khác		Các khoản loại trừ	Cộng
	Lĩnh vực bán vé cầu đường	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản đầu tư	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản đầu tư	Lĩnh vực xây dựng	Lĩnh vực xây dựng	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ			
Số cuối kỳ										
Tài sản trực tiếp của bộ phận	536.352.818.610	6.251.787.032.578	173.030.982.153	69.694.450.230	23.065.326.164	-	-	-	7.053.930.609.735	
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận										748.438.160.303
Tổng tài sản										<u>7.802.368.770.038</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	35.587.285.894	4.822.950.929.354	206.585.861.845	157.267.471.208	-	-	-	-	5.222.391.548.301	
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận										998.983.444.987
Tổng nợ phải trả										<u>6.221.374.993.288</u>
Số đầu kỳ										
Tài sản trực tiếp của bộ phận	542.654.769.563	6.236.863.919.688	173.811.878.918	83.376.177.068	24.398.002.215	-	-	-	7.061.104.747.452	
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận										586.611.086.186
Tổng tài sản										<u>7.647.715.833.638</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	20.560.534.092	4.819.902.105.708	207.036.857.645	169.164.987.255	-	-	-	-	5.216.664.484.700	
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận										825.819.028.894
Tổng nợ phải trả										<u>6.042.483.513.594</u>

BÙI THỊ THỦY
Người lập biểu

TRINH THANH HÙNG
Kế toán trưởng

